

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN AN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thu Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga

Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về “*tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Thanh H, sinh năm 1977

Địa chỉ: số 92A/1, ấp 1, xã QM, huyện TT, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1978

Địa chỉ: số 214 ấp NT, xã NTT, thành phố T, tỉnh Long An.

(*Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt không lý do*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn ông Võ Thanh H trình bày: ông và bà T chung sống với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông và bà T đã nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không

có kết quả. Ông và bà T đã ly thân từ năm 2005 đến nay. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà T, nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên là Võ TH, sinh ngày 16/7/2001, đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn bà Trần Thị T vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

\* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông H, cho ông H ly hôn với bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Vào ngày 04/01/2022, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An có thụ lý đơn khởi kiện Ông Võ Thanh H xin ly hôn với bà Trần Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: số 214 ấp NT, xã NTT, thành phố T, tỉnh Long An làm phát sinh vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về xét xử vắng mặt đương sự: Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn ông H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà T đã được Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông H cho là vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trong thời gian thu thập chứng cứ, Tòa án có tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của ông H và bà T tại địa phương nhưng địa phương không nắm rõ. Bị đơn bà T vắng mặt suốt quá trình tố tụng. Như vậy, có cơ sở xác định bà T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn thiết tha về quan hệ tình cảm với ông H nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa ông H và bà T không còn, tình trạng vợ chồng giữa ông H và bà T đã

đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về nuôi con chung: Ông H xác định vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thành Hiệp, sinh ngày 16/7/2001, đã trưởng thành.

2.3. Về chia tài sản và chia nợ: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bản án không đề cập đến.

[3] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Ông H phải chịu án phí ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Võ Thanh H, cho ông Võ Thanh H ly hôn với bà Trần Thị T.

2. Về nuôi con chung: Ông Võ Thanh H và bà Trần Thị T có 01 tên Võ TH, sinh ngày 16/7/2001 đã trưởng thành, nên bản án không đề cập đến.

3. Về chia tài sản, chia nợ: Ông Võ Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bản án không đề cập đến.

4. Về án phí:

Ông Võ Thanh H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Chuyển 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001250 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh LA;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- CCTHA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN tÒA**

***Đã ký***

**Đoàn Thị Thu Thảo**

-----

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 04 năm 2021.

Tại: Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Thị Lệ Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Tĩnh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 33/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu Thúy

Địa chỉ: Số 15, Nguyễn Văn Tạo, Phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Hàng Bốn

Địa chỉ: Số 15, Nguyễn Văn Tạo, Phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)*

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Các điều 147, 267, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân – gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Sau khi thảo luận Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thu Thúy, cho bà Lê Thị Thu Thúy được ly hôn với ông Hàng Bốn.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Hàng Lê Gia Bảo, sinh ngày 17/01/2007 cho bà Lê Thị Thu Thúy trực tiếp nuôi dưỡng, ông Bốn không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về chia tài sản, chia nợ: Bà Lê Thị Thu Thúy không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Thu Thúy phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình. Do vậy chuyển tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005151 ngày 02/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi .... giờ ... phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Lệ Hoa - Nguyễn Thị Tĩnh**

**Đoàn Thị Thu Thảo**